

NGHIÊN CỨU KỊCH BẢN TUỒNG NAM BỘ TRƯỚC 1945

- THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC

ThS. Nguyễn Thị Huyền Trang

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG – HCM

Để một vở diễn ra mắt công chúng, trước hết phải có kịch bản, đạo diễn và một dàn diễn viên có tay nghề. Đặc biệt với tuồng đòi hỏi phải có những đào kép chính thật xuất sắc và kịch bản phải hay mới thu hút được người xem. Đối với vùng văn hoá phát triển tuồng đến tận đỉnh cao như Nam Bộ, số lượng kịch bản được sáng tác, lưu hành không phải là ít. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy kịch bản tuồng chữ Nôm vẫn còn khá nhiều, hiện nay nó còn được lưu giữ không những khắp nơi trong nước mà cả ở nước ngoài. Tuy nhiên, phần lớn các bản tuồng được viết bằng chữ Nôm, mà chữ Nôm nay đã trở thành ngôn ngữ xa lạ đối với giới trẻ, điều này làm cho các kịch bản tuồng vốn đã bị lãng quên lại càng bị lãng quên hơn. Gần đây một số nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Hiền Tâm, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Hoàng Ngọc Cương... đã miệt mài phiên âm một số kịch bản tuồng cổ hiếm thấy, trong đó có một số kịch bản tuồng Nam Bộ. Tuy đã cố gắng giới thiệu nhưng phần lớn các vở tuồng vẫn nằm im bất động, hoặc chỉ được giới nghiên cứu biết đến, còn quảng đại quần chúng chỉ biết đôi chút về vở diễn nhiều hơn là kịch bản của nó. Nghiên cứu về kịch bản tuồng là một việc làm thú vị giúp người đọc tìm lại những vốn văn hoá cũ đã mai một của dân tộc đặc biệt là văn hoá xứ Nam Bộ. Chính vì lẽ đó, chúng tôi viết bài viết nhỏ này để giới thiệu tới bạn đọc một số kịch bản tuồng có giá trị nghệ thuật, có thời gian sáng tác lâu đời phản ánh nhiều vấn đề trong xã hội xưa nhưng chưa nhận được nhiều sự chú ý.

1. Tuồng Lâm Sanh - Xuân Nương

Vở tuồng *Lâm Sanh - Xuân Nương* được phỏng dịch theo thơ Lâm Hanh, trong bản tuồng tác giả sử dụng nhiều tục ngữ, đối đáp, triết lý sâu sắc về cuộc sống nên có giá trị văn chương nhiều hơn so với nguyên tác. Cũng như nhiều kịch bản khác, vấn đề tác giả của nó cũng còn nhiều tồn nghi. Theo một số trang mạng chúng tôi thấy nhiều bài viết ghi Tống Phước Phổ, một nhà soạn kịch nổi tiếng ở huyện Điện Bàn, Quảng Nam đã soạn kịch bản tuồng này vào năm 1920 và trong cuốn *Tổng tập văn*

học Việt Nam, Tập 15A của Giáo sư Hoàng Châu Ký viết: “Nhà văn trẻ lúc bấy giờ là Tống Phước Phổ viết vở *Lâm Sanh – Xuân Nương*”. Tuy nhiên, trên *An Hà Nhật Báo* năm 1914 khi đăng kịch bản tuồng này lại đề tên tác giả là Huỳnh Văn Ngà (Trà Vinh). Đến năm 2007, ông Trần Xuân Hanh (Cà Mau) đã phiên âm kịch bản này từ bản gốc chữ Nôm được Nguyễn Văn Sâm giới thiệu và chú giải lại viết vở tuồng này đã xuất hiện vào thế kỷ XIX, và đề nguyên tác là vô danh. Cả hai ông đều khẳng định đây là một vở tuồng tiêu biểu của Nam Kỳ Lục tỉnh vì trong tác phẩm có sử dụng nhiều ngôn ngữ đặc trưng của vùng. Như vậy, Tống Phước Phổ không thể là tác giả của nó, có lẽ ông đã mô phỏng một bản khác hoặc ghi chép lại. Chúng tôi chưa có dịp đọc cả hai bản để so sánh, đối chiếu lại.

Vở kịch gồm có ba hồi. Hồi thứ nhất gồm các lớp sau: Lớp 1- Lý Lâm Sanh than vãn vì cưới nàng Xuân Nương đã lâu nhưng tối ngày chỉ biết “vui cửa Không sân Trình”, định xin mẹ đi du sơn thủy; Lớp 2 - Nàng Xuân Nương đương buồn phiền cảnh “cha mẹ thì một nơi, con thì một ngả”; “Đêm năm canh dựa màn bướm chực phòng không” thì gặp Lâm Sanh, tâm sự đạo vợ chồng, chẳng may bị Lý Nương bắt gặp chửi mắng, sai gia đình lột hết nữ trang; Lớp 3 - Ở quê nhà, cha mẹ Xuân Nương buồn rầu vì lâu quá không có tin con gái, quyết định gói ghém hành trang lên đường thăm con; Lớp 4 - Mẹ Xuân Nương gặp Lý Nương, Lâm Sanh thông báo tin vui cho vợ nhưng vẻ tiêu tụy của nàng khiến cho Xuân mẫu bội phần lo lắng;

Hồi thứ hai: Lớp 1 – Xuân mẫu về tới nhà, kể lại sự tình cho chồng nghe; Lớp 2 – Lâm mẫu sai Gia Đình đánh đập Xuân Nương đến chết, Lâm Sanh ôm xác vợ khóc lóc, đau xót; Lớp 3 – Lâm Sanh xin mẹ cho đi du ngoạn sơn thủy cho đỡ buồn đau; Lớp 4 – Lâm Sanh vào một quán nước bên đường; Lớp 5 – Thổ địa *cứu Xuân Nương lại hiện hình dung*; Lớp 6 – Xuân Nương báo mộng với cha mẹ rằng mình thịt nát xương tan, Xuân lão liền lên đường thăm con; Lớp 7 – Xuân lão đến nhà Lâm mẫu đòi gặp con; Lớp 8 – Xuân lão tố cáo Xuân mẫu tội giết người, Lâm mẫu rút lót vàng bạc cho quan.

Hồi thứ ba: Lớp 1 – Xuân lão tiếp tục làm cáo trạng lên quan trên; Lớp 2 - Lâm mẫu bị đòi vào gặp quan; Lớp 3 – Quan trên nhận hối lộ của Xuân mẫu, xử ép Xuân lão; Lớp 4 – Không chịu để con gái oan ức, Xuân lão tìm đến tận cung vua để tâu trình, vua cho đòi mẹ con Lâm Sanh vào cung hỏi tội; Lớp 5 – Lâm Sanh cướp pháp

trường cứu mẹ; Lớp 7 – Xuân mẫu bị chém, Lâm Sanh bị giam vào ngục tối; Lớp 8 – Quân lính báo tin có giặc tấn công; Lớp 9 – Công chúa nhìn thấy ánh sáng lạ nơi Lâm Sanh bị giam cầm liền tâu báo với vua; Lớp 10 – Vua lệnh Lâm Sanh ra biên dẹp loạn; Lớp 11 – Thổ địa cứu sống Xuân Nương; Lớp 12 – Lâm Sanh trở về được vua khen ngợi và gả công chúa cho. Chàng một mực từ chối vì nghĩ đến người vợ quá cố; Lớp 13 – Xuân Nương gặp lại cha mẹ; Lớp 14 – Lâm Sanh gặp lại Xuân Nương; Lớp 15 – Lâm Sanh được vua truyền ngôi, sống hạnh phúc với Xuân Nương và công chúa.

Đây là một vở tuồng đặc sắc, phản ánh nhiều vấn đề trong xã hội xưa, lòng tham lam của người mẹ muốn con tham gia chính trường để rạng danh tổ tông đã làm đủ mọi cách để biến ước mơ của mình thành sự thật. Bà cũng đại diện cho một tầng lớp người giàu có nhưng luôn phân biệt giàu nghèo, tham vinh hoa phú quý mà bỏ qua những giá trị đạo đức trong xã hội. Đặc biệt nổi bật lên trong tác phẩm là vấn nạn tham nhũng, đổi trắng thay đen của một bộ phận quan lại thời bấy giờ. Nhưng cuối cùng thì những kẻ ác giả cũng gặp ác báo, người hiền rồi cũng gặp lành. Nàng Xuân Nương hiền lành, sống có tình có nghĩa mặc dù thịt nát xương tan nhưng cuối cùng được sống lại bởi sự giúp đỡ của một thế lực siêu nhiên, thần thánh. Trong xã hội này, người ta vẫn có lòng tin đối với vua, vua vừa là người phân xử công tâm, vừa là người coi trọng những người có tài và cũng có lòng tin với chân lý “ở hiền gặp lành”. Vở kịch là một bức tranh xã hội thu nhỏ, phản ánh chân thực về cuộc sống, ước mơ của người dân lúc bấy giờ.

2. *Tuồng Hát bội Nôm đa hồi Tây Du ký*

Tuồng Tây du là một vở tuồng Nôm đồ sộ 100 hồi, khoảng 4000 trang, tất cả được viết bằng tay nên việc sao chép và phiên âm ra chữ quốc ngữ rất khó, đòi hỏi phải có một người tận tâm và có thời gian. Vở tuồng được lưu trữ tại Thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Paris, là bản nguyên tác độc nhất. Hiện nay, Thư viện này đã tặng một bản sao chép cho Viện Hán Nôm (Hà Nội). Cho đến trước thập niên năm mươi, hầu như không có một tư liệu nào xác định rõ ràng về nguồn gốc, niên đại, cũng như chưa từng thấy có tài liệu nào bàn sâu về nó, cho nên tuồng *Tây du* vẫn là vở tuồng xa lạ đối với quảng đại công chúng. Năm 1952, Nguyễn Đình Triêm (cháu nội Nguyễn Đình Chiểu), khi giới thiệu tiểu sử Bùi Hữu Nghĩa trong quyển *Bùi Hữu Nghĩa – Thơ văn và vở tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên* có nhắc đến hai vở tuồng hát bội *Tây du* và

Mậu Tông là của Bùi Hữu Nghĩa. Ngoài ra, không thấy ông bàn thêm gì về vở tuồng này nữa, chưa thấy có tài liệu nào phản đối suy nghĩ này của Nguyễn Đình Triêm. Bùi Hữu Nghĩa là tác giả của một vở tuồng nổi tiếng đã được công nhận đó là *Tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên*, việc ông viết thêm một kịch bản nữa cũng là điều dễ hiểu nên chúng tôi tạm xem đây là một vở kịch của người con Nam Bộ cho đến khi có ai đó đưa ra bằng chứng khác.

Hiện nay, vở tuồng được hai nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm và Nguyễn Hiền Tâm dành thời gian, công sức phiên âm, chú thích. Tuy nhiên, theo Gs. Nguyễn Văn Sâm ông không phiên âm theo thứ tự, mà phiên âm tùy thích. Dưới đây là một số hồi đặc sắc, có ý nghĩa giáo dục và nhân văn cao cả, chúng tôi xin được tóm tắt đại ý để bạn đọc cùng suy ngẫm:

- Hồi thứ nhất về cơ bản có diễn tiến giống như nguyên tác. Nội dung của hồi này có thể khái quát với các ý như sau: Khi đá Thạch Hầu được tôn làm vua, chọn Hoa Quả Sơn làm nơi trú ẩn; Thạch Hầu Vương quyết chí bỏ Hoa Quả Sơn đi tìm phép trường sinh bất tử nhưng Thạch Hầu Vương chỉ thấy toàn là người đòi với những lo lắng trong cuộc sống ngăn ngại vì vậy nó quyết định vượt biển, băng rừng đi xa hơn nữa. May mắn thay, Thạch Hầu gặp được vị Tiên trưởng đang dạy đạo ở Hoá Châu. Từ đây, Tôn Ngộ Không ở lại chăm chỉ tu luyện với Bồ Đề Tổ Sư. Qua đó chúng ta thấy được cái ý chí mạo hiểm, vượt qua khó khăn để tầm sư học đạo của nhân vật Ngộ Không thật đáng khâm phục.

- Ngoài hồi thứ nhất thì hồi thứ 68 có tựa đề là: *Châu Tử Quốc Đường tăng luận thế tiền, Tôn Hành Giả thi vi tam chiết quăng* (Nước Châu Tử, Đường tăng bàn chuyện trước, Nơi cung vua, Hành Giả hoá y sư) cũng là hồi hay, đặc sắc, không chỉ có giá trị về nội dung mà còn đặc sắc về nghệ thuật. Hồi này, gồm có sáu lớp: Lớp 1: Ca tụng vua và nền thái bình thịnh trị; Lớp 2: Tam Tạng phải gặp vua để xin giấy phép thông hành; Lớp 3: Bát Giới và Hành Giả đi chợ mới biết tin vua bị bệnh đang tìm người chữa trị; Lớp 4: Hành Giả nhận có thể chữa bệnh cho vua; Lớp 5: Vua cho gọi Hành Giả vào hồi cung; Lớp 6: Hành Giả vào nội cung, gặp Tam Tạng bị Tam Tạng mắng.

Nội dung hồi này được viết nhằm ca ngợi lòng từ bi cứu giúp người hoạn nạn, tấm lòng vị tha của con khi Tôn Hành Giả. Tam Tạng mặc dù là thầy nhưng tâm vẫn chưa

thoát tính xấu, luôn giận giữ, thiếu hiểu biết và không nhận thấy được tài năng thật sự của Hành Giả, một người có khả năng chữa bệnh cho vua....Ông lúc nào cũng suy nghĩ đến việc đi thỉnh kinh chậm trễ, nên trách mắng Hành Giả không thôi, chính tính cách này của Tam Tạng khiến cho bốn thầy trò và con ngựa gặp nạn không biết bao nhiêu lần. Và cũng chính những biến tướng, nhưng lo lắng khắc khoải của Đường Tăng tạo cơ hội cho ma quỷ phát sanh. Hành Giả luôn thấy được chân tướng của sự việc: Những cô gái đẹp, những con người coi bề ngoài hiền hoà nhưng lại được biến hình từ ma quái, quỷ ăn thịt người là vì Hành Giả là người lúc nào cũng chịu đựng, tha thứ, có tâm trong sáng. Chính vì tâm trong sáng, không bị vẩn đục nên đã nhìn ra được chân tướng của sự việc. Và điều này sẽ minh chứng bằng việc Hành Giả có thể chữa bệnh cho vua ở hồi 69. Qua hồi 68 này, người ta học được nhiều điều từ Hành Giả.

Vở tuồng có cốt truyện giống với tiểu thuyết chương hồi *Tây du ký* của Trung Quốc, tuy vậy “tác giả dùng tài nghệ mình thêm vào những tư tưởng có tính cách triết lý và nhân văn khiến cho bản tuồng trở nên có ý nghĩa và hay hơn nguyên bản”¹.

3. *Tuồng Lục Vân Tiên*

Huỳnh Văn Ngà, tự Long Ân, quê ở Trà Vinh vì có lòng mến mộ đối với thơ *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu nên đã dịch ra bản tuồng này. Năm 1915, vở *Tuồng Lục Vân Tiên* đã được in lần thứ nhất với 2000 cuốn tại nhà xuất bản F – H Schneider Imprimeur – Editeur. Trên trang bìa của vở tuồng có đề *Quyển thứ nhất*, và ở trang cuối có viết: “Hãy xem cuốn thứ nhì”, tuy nhiên hiện nay chúng tôi chưa tìm thấy những cuốn tiếp theo. Vở tuồng được viết bằng chữ Quốc ngữ, dễ đọc, dễ hiểu, ngôn ngữ đời thường đậm chất Nam Bộ. Thế nhưng không hiểu sao vở kịch lại không được nhiều người biết đến, phải chăng vì sức ảnh hưởng của nguyên bản quá lớn, chúng tôi xin được bàn sự giống khác lần sau.

Cuốn thứ nhất này gồm hai hồi, có nội dung từ khi Lục Vân Tiên xin thầy về quê từ biệt cha mẹ để lên đường đi thi, cho đến khi bị Trịnh Hâm hãm hại.

- Hồi thứ nhất có tựa đề: *Phụng sự mạng Vân Tiên hồi cổ lý; Vâng lệnh cha Nguyệt Nga tới Hà Khê*. Ở hồi này chúng tôi chia các lớp như sau: Lớp 1 – Trọn chữ hiếu, Vân Tiên xin thầy về thăm cha mẹ; Lớp 2 – Vâng lệnh cha, Kiêu Nguyệt Nga tới

¹ Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm.

Hà Khê; Lớp 3 – Kiều Nguyệt Nga gặp cướp Phong Lai; Lớp 4 – Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga; Lớp 5 – Nguyệt Nga cảm tạ Vân Tiên; Lớp 6 – Kiều Nguyệt Nga gặp lại cha vui mừng khôn tả.

- Hồi thứ hai có tựa đề: *Hón Minh cứu người mà mang họa, Tiểu đồng nghe chúng phải bị tai*. Hồi này theo chúng tôi có 12 lớp: Lớp 1 – Vân Tiên kết nghĩa huynh đệ với Hón Minh; Lớp 2 – Đặng Sinh chọc ghẹo Xuân Ngọc; Lớp 3 – Hón Minh giết Đặng Sinh cứu Xuân Ngọc bị quan huyện bắt; Lớp 4 – Lục Vân Tiên sum họp song thân; Lớp 5 – Vân Tiên gặp gia đình Võ Công; Lớp 6 – Lục Vân Tiên kết nghĩa với Tử Trục; Lớp 7 – Lục Vân Tiên từ biệt Phi Loan; Lớp 8 – Lục Vân Tiên, Tử Trục gặp Bùi Kiệm, Trịnh Hâm; Lớp 9 – Lục Vân Tiên nghe tin mẹ mất khóc đến mù mắt; Lớp 10 – Lục Vân Tiên tìm thầy chữa trị không khỏi; Lớp 11 – Lục Vân Tiên gặp lại Trịnh Hâm; Lớp 12 – Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm hãm hại.

Qua vở tuồng chúng ta thấy một điều đặc biệt là mỗi khi có một nhân vật xuất hiện, nhân vật đó phải xưng họ tên quê quán. Điều này rất phù hợp với nghệ thuật biểu diễn tuồng. Cũng giống như nguyên bản, kịch bản này gồm có hai tuyến nhân vật: một tuyến đại diện cho những người tốt như Hón Minh, Tử Trục, Lục Vân Tiên và một nhóm đại diện cho những kẻ xấu, ghen ăn tức ở như Bùi Kiệm, Hón Minh. Những người tốt luôn ra tay nghĩa hiệp cứu người và khi gặp nạn họ lại được cứu giúp. Tuy nhiên trong vở kịch có nhiều tình tiết khác với nguyên bản. Ví dụ ở trong nguyên bản Vân Tiên đang đi thì gặp cảnh bắt bình nên ra tay cứu giúp Nguyệt Nga, sau khi đánh bại Phong Lai hai bên mới giới thiệu tên tuổi quê quán cho nhau nghe. Nhưng ở trong vở kịch chúng ta lại được nghe nàng Nguyệt Nga giới thiệu về mình trước, trên đường đi nàng gặp tên cướp Phong Lai, nàng đã dùng những lời lẽ danh thếp, sắc sảo để cự tuyệt yêu cầu của hắn thì vừa lúc đó Lục Vân Tiên đi ngang qua đã cứu nàng thoát nạn. Nhìn chung, về nội dung thì không khác gì nguyên tác nhưng về cách sắp xếp các sự kiện thì có nhiều thay đổi. Chúng tôi hi vọng sẽ có dịp bàn đến vấn đề này sau.

4. Tuồng Lý Thiên Long

Tuồng hát bội *Lý Thiên Long*, là một vở tuồng có nguồn gốc lâu đời, vốn là một bản chữ Nôm chép tay, không được phổ biến rộng rãi. Năm 1912, cựu Chánh tổng Lê Quang Chiêu đem văn bản in ra chữ Quốc ngữ. Theo ông Lê Quang Chiêu vở kịch do

ông Tổng đốc An Giang Cao Hữu Dực² viết ra, về sau do ông Nguyễn Văn Hàng nhuận sắc. Khi phiên âm ra chữ quốc ngữ ông nhuận sắc một lần nữa cho trảng câu xứng đôi rồi cho in bản quốc ngữ. Vở tuồng này gồm có ba hồi, hiện nay chỉ còn lại một hồi, hai hồi còn lại hiện chưa tìm thấy. Gs. Nguyễn Văn Sâm trong quá trình nghiên cứu đã chia vở tuồng này thành 14 tiết chính tùy vào các sự kiện xảy ra như sau: 1. Nghe lời mẹ, Lý Thiên Long tâm sư học đạo; 2. Đoán việc sau, Lý Chơn Nhơn khuyên đệ tử ứng thi; 3. Cần hiền ngộ, Tống Vương sai mở hội tuyển nhân tài; 4. Vung lời khuyên, Lý Thiên Long lên đường tìm sự nghiệp; 5. Trễ hội thí, Vương Hoạ Lân ngao du sơn thủy; 6. Hiểu lòng nhau, Đào Thế sĩ/ Vương Hoạ Lân già trẻ kết thân; 7. Kết quả kỳ thi, Lý Thiên Long thành Quốc Trạng; 8. Muốn thêm vây cánh, Thái Sư dùng chỉ đỏ buộc Trạng Nguyên; 9. Lãnh quyền chức, Sơn Quy ra đồng quan trấn nhậm; 10. Ngựa phản thần, Lý mẫu dạy con nghĩa trung quân; 11. Bảo toàn thân, Đào Thế Sĩ cáo lão về quê; 12. Lạc Sơn lãnh, Thế Sĩ tái phùng người bạn trẻ; 13. Đem lòng xấu, Thiên Thành mưu toan cướp nước; 14. Thử lòng nhau, Thiên Long, Thế Phụng tỏ lòng trung.

Ngoài bản trên, chúng tôi còn tìm thấy ở Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh có lưu một bản bằng chữ Nôm. Đây là một trong số 46 bản tuồng chữ Nôm “quý, hiếm” được Thư viện Hoàng gia Anh tặng Chính quyền Sài Gòn cũ vào năm 1971. Những tác phẩm này hầu như bị “bỏ quên” trong thư viện nhiều năm. Gần 10 năm nay nhiều nhà nghiên cứu Hán Nôm đã cố gắng làm cầu nối bằng việc dịch, giới thiệu các vở tuồng này đến với các bạn trẻ những người đã quen với chữ Quốc ngữ. Trong số những vở tuồng đã được dịch ra chữ Quốc ngữ có vở tuồng *Lý Thiên Long*. Vở tuồng gồm có bốn hồi.

Kết luận: Nam Kỳ Lục Tỉnh đã đóng góp một khối lượng kịch bản tuồng không nhỏ cho nền văn học nghệ thuật nước nhà, tuy nhiên việc giữ gìn, bảo tồn và giới thiệu

² Theo *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* và *Quốc Triều Hương Khoa Lục* cũng như các quyền sử triều Nguyễn chắc chắn không nhiều thì ít có nhắc đến ông. Một vài tài liệu đó đây ghi ông là người quê huyện Phong Điền, Thừa Thiên, đậu Hương Tiến năm Ất Dậu 1825, làm chức Bố Chánh Sứ An Giang năm Mậu Thân đời Thiệu Trị (1848) sau đó đổi làm Án Sát Sứ cũng tỉnh An Giang. Khi mất được truy tặng Hiệp Biện Đại Học Sĩ.

về nó vẫn còn nhiều hạn chế. Các vở kịch phần nhiều được chép tay, nhàu nát, rách, chữ mờ, phần nhiều bị thất lạc, những bản tuồng mà chúng tôi giới thiệu ở trên cũng không tránh khỏi tình trạng đó. Chiến tranh loạn lạc, chữ Nôm không còn phổ biến và các bản kịch thường được phân chia và in thành kỳ, hồi mà thời đó ít có người nghĩ đến việc tập hợp để lại cho giới hậu sinh là những lí do dẫn đến việc nhiều giá trị văn hoá đã bị mất đi. Vì giới hạn của bài viết nên chúng tôi chỉ giới thiệu mang tính chất tổng quát, chứ chưa đi sâu vào nội tại của các vở kịch, hi vọng sẽ đón nhận nhiều trao đổi từ bạn đọc, các nhà nghiên cứu để chúng tôi có thể mở mang tầm nhìn của mình trong công cuộc giới thiệu tinh hoa văn hoá mà cha ông ta đã để lại ở xứ Nam Bộ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Chiêm (2007), *Nghệ thuật sân khấu hát bội*, Nxb Trẻ, TP. HCM.
2. GS.Hoàng Chương, *Ai là ông tổ Tuồng và cái nôi Tuồng ở đâu?*
<http://www.baomoi.com/Ai-la-ong-to-tuong-va-cai-noi-tuong-o-dau/52/6955271.epi>
3. Tuấn Giang (2010), *Nguồn gốc ca nhạc tuồng, chèo, cải lương*, Nxb Sân Khấu, H.
4. Nguyễn Văn Hào (2012), *Văn học miền Nam lục tỉnh. T.2, Văn học Hán Nôm thời khai mở & xây dựng đất mới*, Nxb Trẻ, T.P. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Hữu Hiệp (1998), *Tản mạn về hát bội ở miền Nam*, Tạp chí *Xưa nay* (số đặc biệt); Tr. 46- 47.
6. Nguyễn Đức Hiệp, Nguyễn Lê Tuyên (2013), *Hát Bội, đờn ca tài tử và sự hình thành Cải lương cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20*, Nxb Văn hoá – Văn nghệ TP. HCM.
7. Trần Văn Khải (1970), *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam: Hát bội, cải lương, thoại kịch, thú xem diễn kịch*, S. Khai Trí.
8. Hoàng Châu Ký (1964], *Tuồng với con người mới, cuộc sống mới*, Tạp chí Văn nghệ 18/ 12, H.
9. Hoàng Châu Ký (1973), *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng*, Nxb Văn hoá, H.
10. Hoàng Châu Ký (1978), *Tuồng cổ*, Nxb Văn hoá.
11. Bích Lâm, Thanh Mai (1985), *Tìm hiểu thâm về hát bội Nam Bộ*, Tạp chí *Văn nghệ* (386); Tr. 6-14.

12. Nguyễn Tô Lan (2009), *Sơ khảo văn bản Tuồng cổ hiện còn*, Tạp chí *Hán Nôm*, số (92); Tr. 18-28.
13. Nguyễn Lộc, Võ Văn Tường (1994), *Nghệ thuật hát bội Việt Nam*, Nxb Văn Hóa, H.
14. Nguyễn Lộc (chủ biên) (1998), *Từ điển nghệ thuật hát bội Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, H.
15. Đoàn Nồng (1943), *Sự tích và nghệ thuật hát bội*, Nhà in Mai Lĩnh, Huế.
16. Đinh Bằng Phi (2005), *Nhìn về sân khấu hát bội Nam Bộ*, Nxb Văn nghệ.